CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VĨNH LONG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Vĩnh Long - Tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 1500220164 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2004, thay đổi lần thứ 6 vào ngày 29 tháng 12 năm 2010. Vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Cưng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26/6/2014)
	Ông Lê Minh Trí	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26/6/2014)
	Ông Nguyễn Hùng	Phó chủ tịch
	Ông Huỳnh Tấn Minh	Ủy viên
	Bà Lê Thị Tuyết Hoa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26/6/2014)
	Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26/6/2014)
	Ông Dương Khánh Hùng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26/6/2014)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Lê Minh Trí	Tổng Giám đốc
	Ông Cao Xuân Dự	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26/6/2014)
	Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/6/2014)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế CPA (**"CPA INTERNATIONAL"**).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc Công ty,

M.S.D.N: 1500220164-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VĨNH LONG
TP. VĨNH LONG-T. VĨNH LONG

Lê Minh Trí
Tổng Giám đốc
Vĩnh Long, ngày 15 tháng 3 năm 2014

CPA INTERNATIONAL

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ CPA
Vietnam Business Center
57-59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
T +84 (8) 6288 3753
F +84 (8) 6288 5138
E info@cpa.com.vn
W www.cpa.com.vn

Số. 91 /2015/AUD/CPA INTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Nagai Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2015, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại thuyết minh 17 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa ghi nhận khoản lãi phát sinh do chậm trả khoản phải trả cổ phần hóa cho Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Do Công ty và Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh doanh vốn Nhà nước chưa thống nhất được cách tính toán số lãi chậm trả, do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc chưa ghi nhận khoản lãi chậm trả này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0312427485-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ CPA
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Song Toàn
Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1551-2014-238-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ CPA
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Lê Hồng Minh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 2159-2014-238-1

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) = 110+120+130+140+150	**100**		**8.578.345.082**	**11.416.995.080**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**1.307.125.750**	**2.223.018.453**
1. Tiền	111		1.307.125.750	93.018.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.130.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**6.248.351.786**	**7.743.231.001**
1. Phải thu khách hàng	131		6.566.649.157	8.882.786.912
2. Trả trước cho người bán	132		26.325.709	781.492.049
5. Các khoản phải thu khác	135	6	749.227.515	189.613.728
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.093.850.595)	(2.110.661.688)
IV- Hàng tồn kho	**140**	**7**	**531.072.900**	**986.770.842**
1. Hàng tồn kho	141		531.072.900	986.770.842
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**491.794.646**	**463.974.784**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	136.232.910	162.320.626
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		11.752.178	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	343.809.558	301.654.158
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	**200**		**31.332.378.643**	**29.400.873.090**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**5.333.100.000**	**5.333.100.000**
4. Phải thu dài hạn khác	218	10	5.333.100.000	5.333.100.000
II Tài sản cố định	**220**		**23.217.184.430**	**21.710.746.505**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	21.542.935.051	20.251.985.568
- *Nguyên giá*	*222*		*38.693.709.705*	*35.838.444.715*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(17.150.774.654)*	*(15.586.459.147)*
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- *Nguyên giá*	*228*		*65.000.000*	*65.000.000*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(65.000.000)*	*(65.000.000)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1.674.249.379	1.458.760.937
III. Bất động sản đầu tư	**240**		**-**	**-**
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**1.774.800.000**	**1.774.800.000**
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	1.774.800.000	1.774.800.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.007.294.213**	**582.226.585**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.007.294.213	582.226.585
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**39.910.723.725**	**40.817.868.170**

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**16.324.622.141**	**18.347.459.704**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**15.365.158.579**	**18.094.996.142**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	360.000.000	1.627.294.364
2. Phải trả người bán	312		175.675.600	339.258.460
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	2.404.254.905	2.876.822.096
5. Phải trả người lao động	315		163.968.222	288.582.479
6. Chi phí phải trả	316		43.310.406	446.122.932
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	17	12.546.715.432	12.739.481.447
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(328.765.986)	(222.565.636)
II- Nợ dài hạn	**330**		**959.463.562**	**252.463.562**
3. Phải trả dài hạn khác	333	18	155.900.000	173.900.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	19	803.563.562	78.563.562
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**23.586.101.584**	**22.470.408.466**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**23.586.101.584**	**22.470.408.466**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(333.875.116)	(333.875.116)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.285.920.905	3.285.920.905
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		443.436.579	443.436.579
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		190.619.216	(925.073.902)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	**440**		**39.910.723.725**	**40.817.868.170**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	12/31/2014	01/01/2014
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		454.721.604	454.721.604
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.690.952.263	280.407.213

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phan Thị Hồng Sâm	Dương Khánh Hùng	Lê Minh Trí

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VĨNH LONG
M.S.D.N: 1500220164 C.T.C.P
TP. VĨNH LONG-T. VĨNH LONG

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	19.760.824.804	22.830.904.432
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	74.131.147
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	21	19.760.824.804	22.756.773.285
4. Giá vốn hàng bán	11	22	14.900.228.271	17.430.767.621
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	**20**		**4.860.596.533**	**5.326.005.664**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	573.627.004	62.058.953
7. Chi phí tài chính	22		40.631.244	25.180.844
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*40.631.244*	*25.180.844*
8. Chi phí bán hàng	24	24	651.135.339	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	3.400.803.821	4.623.072.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	**30**		**1.341.653.133**	**739.811.604**
11. Thu nhập khác	31		4.791.239	1.131.922.458
12. Chi phí khác	32		6.475.650	149.915.347
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	**40**		**(1.684.411)**	**982.007.111**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	**50**		**1.339.968.722**	**1.721.818.715**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	224.275.604	421.066.528
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**1.115.693.118**	**1.300.752.187**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**27**	**5.695**	**6.640**

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phan Thị Hồng Sâm	Dương Khánh Hùng	Lê Minh Trí

M.S.D.N: 1500220164-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VĨNH LONG
TP. VĨNH LONG-T. VĨNH LONG

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	*1*	***1.339.968.722***	***1.721.818.715***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	2	1.564.315.507	1.477.543.509
- Các khoản dự phòng	3	393.733.957	682.780.152
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(573.627.004)	(1.184.513.498)
- Chi phí lãi vay	6	40.631.244	25.180.844
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*8*	***2.765.022.426***	***2.722.809.722***
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	9	1.134.938.626	(1.553.049.366)
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	455.697.942	(637.754.432)
- Giảm các khoản phải trả	11	(1.031.011.898)	(564.363.844)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(405.144.036)	290.845.478
- Tiền lãi vay đã trả	13	(40.631.244)	(25.180.844)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(549.606.555)	(65.977.056)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	115.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(124.200.350)	(89.462.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	***2.205.064.911***	***192.867.258***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(3.076.341.486)	(857.533.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	1.122.454.545
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	497.678.236	62.058.953
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	***(2.578.663.250)***	***326.980.043***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.085.000.000	1.627.294.364
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.627.294.364)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	***(542.294.364)***	***1.627.294.364***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(915.892.703)**	**2.147.141.665**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**2.223.018.453**	**75.876.788**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**1.307.125.750**	**2.223.018.453**

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phan Thị Hồng Sâm	Dương Khánh Hùng	Lê Minh Trí

M.S.D.N: 1500220164 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VĨNH LONG TP. VĨNH LONG-T. VĨNH LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 1500220164 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2004, thay đổi lần thứ 6 vào ngày 29 tháng 12 năm 2010. Vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông Nhà nước	102.000	10.200.000.000	51%
Các cổ đông khác	98.000	9.800.000.000	49%
Tổng	**200.000**	**20.000.000.000**	**100%**

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh: VINH LONG PORT CORPORATION.

Tên viết tắt: VINH LONG PORT

Trụ sở chính của Công ty tại số 170/2, Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Số lượng nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 57 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 64 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (vận chuyển hàng hóa đường bộ);
- Bán buôn đồ uống (mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia…));
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (hoạt động kho bãi);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (dịch vụ trung chuyển nguyên liệu qua cảng. Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển đường thủy);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (khai thác cát sông);
- Bán mô tô, xe máy (mua bán: mô tô, xe máy);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Mua bán: gỗ các loại, thiết bị vật liệu lắp đặt trong xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, gạch, ngói. Kinh doanh vật liệu xây dựng);
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (Đóng tàu); Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Dịch vụ làm thủ tục hải quan, khai thuế hải quan);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mua bán: xe ô tô, xe tải, rơ moóc); Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Mua bán: phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ)
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (Mua bán: máy nông ngư cơ);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mua bán: thiết bị máy nông nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng, máy san ủi, san lấp mặt bằng, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo xích, máy đào đất, giàn giáo di động, cần cẩu trong xây dựng, thiết bị văn phòng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mua bán: gỗ các loại, thiết bị vật liệu lắp đặt trong xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, gạch ngói. Kinh doanh vật liệu xây dựng);

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, than đá, thiết bị văn phòng, dầu);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mua bán: gốm);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Mua bán: gốm);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mua bán than đá, dầu, nhớt);
- Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí (đóng thuyền);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (Sửa chữa tàu thuyền);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mua bán thép cuộn);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Mua bán dầu nhớt);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia...))
- Đại lý, môi giới, đấu giá (đại lý bảo hiểm).

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2014 bao gồm các hoạt động:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động kho bãi;
- Dịch vụ trung chuyển nguyên liệu qua cảng;
- Dịch vụ vận tải sông biển;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Mua bán: dầu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền và tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác, các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả ngắn và dài hạn khác, các khoản vay và nợ ngắn và dài hạn, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định	Năm khấu hao
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	08 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí sửa chữa tài sản, chi phí kiểm định cầu cảng và chi phí công cụ dụng cụ khác chờ phân bổ.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản, công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí kiểm định cầu cảng được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian kiểm định định kỳ là 5 năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	39.048.055	93.018.453
Tiền gửi ngân hàng	1.268.077.695	-
Các khoản tương đương tiền	-	2.130.000.000
Tổng	**1.307.125.750**	**2.223.018.453**

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu tiền bán cổ phần doanh nghiệp	152.566.099	152.566.099
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	872.331	872.331
Lê Thị Mỹ Hạnh	30.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long	391.061.041	-
Lê Hoàng Cách	143.815.996	-
Phải thu khác	30.912.048	6.175.298
Tổng	**749.227.515**	**189.613.728**

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	409.697.365	515.193.973
Công cụ dụng cụ	30.568.847	54.463.570
Hàng hoá	90.806.688	417.113.299
Tổng	**531.072.900**	**986.770.842**

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí bảo hiểm	55.542.242	25.335.304
Chi phí sửa chữa tài sản	43.780.288	89.704.952
Chi phí công cụ dụng cụ	36.910.380	47.280.370
Tổng	**136.232.910**	**162.320.626**

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng	343.809.558	301.654.158
Tổng	**343.809.558**	**301.654.158**

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền đầu tư liên doanh thực hiện dự án cùng với Công ty Cổ Phần Địa ốc Vĩnh Long	5.333.100.000	5.333.100.000
Tổng	**5.333.100.000**	**5.333.100.000**

Phải thu dài hạn của khoản đầu tư góp vốn vào dự án mua đất để kinh doanh mảnh đất 50.000 m^2 tại ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giữa Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long theo hợp đồng hợp tác liên doanh số 01/HĐLĐ ngày 26/04/2004. Thông tin về dự án được trình bày tại Thuyết minh số 31.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	**24.147.140.275**	**6.076.023.811**	**5.466.091.712**	**149.188.917**	**35.838.444.715**
Tăng trong năm	**1.162.974.355**	**-**	**1.692.290.635**	**-**	**2.855.264.990**
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.162.974.355	-	1.692.290.635	-	2.855.264.990
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	**25.310.114.630**	**6.076.023.811**	**7.158.382.347**	**149.188.917**	**38.693.709.705**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	**9.282.279.759**	**3.937.962.991**	**2.310.131.410**	**56.084.987**	**15.586.459.147**
Tăng trong năm	**513.490.918**	**464.173.240**	**562.027.265**	**24.624.084**	**1.564.315.507**
Khấu hao trong năm	513.490.918	464.173.240	562.027.265	24.624.084	1.564.315.507
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	**9.795.770.677**	**4.402.136.231**	**2.872.158.675**	**80.709.071**	**17.150.774.654**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	**14.864.860.516**	**2.138.060.820**	**3.155.960.302**	**93.103.930**	**20.251.985.568**
Tại 31/12/2014	**15.514.343.953**	**1.673.887.580**	**4.286.223.672**	**68.479.846**	**21.542.935.051**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	7.012.989.060	7.012.989.060
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay	1.389.736.999	-

Các cam kết về chuyển giao tài sản cố định hữu trong tương lai:

Công trình Đường vào cảng và Khu công nghiệp Bình Minh với nguyên giá là 7.295.436.948 đồng sẽ được bàn giao cho huyện Bình Minh theo Quyết định số 106/QĐ.UB ngày 29/01/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và công trình Cầu vào cảng và Khu công nghiệp Bình Minh với số nguyên giá là 2.895.440.779 đồng theo giải trình của Công ty cũng sẽ được bàn giao cho huyện Bình Minh. Hiện Công ty không thực hiện tính khấu hao cho hai tài sản này.

12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	**1.458.760.937**	**1.562.937.301**
Tăng trong năm	**3.406.053.995**	**315.418.694**
Mua trong năm	3.359.517.645	241.229.910
Xuất vật tư vào công trình	46.536.350	74.188.784
Giảm trong năm	**3.190.565.553**	**419.595.058**
Kết chuyển tài sản cố định	2.855.264.990	130.554.238
Kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ	196.806.396	66.500.000
Giảm khác	138.494.167	222.540.820
Tại ngày 31 tháng 12	**1.674.249.379**	**1.458.760.937**

Chi tiết nội dung theo từng công trình

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Cầu Trà Ôn (*)	1.458.760.937	1.458.760.937
Chi phí đầu tư Cảng An Phước	209.900.388	-
Khác	5.588.054	-
	1.674.249.379	**1.458.760.937**

(*) Theo Công văn số 691/UBND-CN ngày 11/04/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, dự án Đường vào bến bốc dỡ vật liệu xây dựng Bình Minh, hạng mục cầu Trà Ôn sẽ giao cho Ban quản lý các dự án giao thông trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Vĩnh Long tiếp tục thực hiện.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết đối tượng góp vốn	Vốn điều lệ	Giá trị cam kết góp vốn	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn theo sổ sách (31/12/2013)	Tỷ lệ đã góp
Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long	22.890.000.000	1.740.000.000	7,60%	1.774.800.000	102,00%
Tổng	**22.890.000.000**	**1.740.000.000**		**1.774.800.000**	

Số lượng cổ phần mà Công ty đang đầu tư tại Công ty Cổ Phần Địa ốc Vĩnh Long là 17.400 cổ phần, mệnh giá là 100.000 đồng/Cổ phần.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí sửa chữa tài sản	618.802.511	531.796.491
Chi phí công cụ dụng cụ	216.363.637	50.430.094
Chi phí kiểm định cầu cảng	172.128.065	-
Tổng	**1.007.294.213**	**582.226.585**

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	1.627.294.364
Nợ dài hạn đến hạn trả	**360.000.000**	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	360.000.000	
Tổng	**360.000.000**	**1.627.294.364**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT phải nộp	106.519.669	240.843.260
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	317.524.499
Thuế thu nhập cá nhân	-	20.719.103
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.297.735.236	2.297.735.234
Tổng	**2.404.254.905**	**2.876.822.096**

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả cổ phần hóa (*)	1.008.495.000	1.008.495.000
Phải trả vốn xây dựng cơ bản cho Ngân sách	11.116.444.402	11.116.444.402
Phải trả cổ tức năm 2004 của cổ đông Nhà nước	-	200.000.000
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	356.470.553	356.470.553
Phải trả khác	65.305.477	58.071.492
Tổng	**12.546.715.432**	**12.739.481.447**

(*) Số dư phải trả về cổ phần hóa cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 1.008.495.000 đồng. Công ty chưa ghi nhận lãi chậm trả do chưa thống nhất cách tính lãi chậm trả với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Hiện nay, Công ty đang làm việc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước để tính lãi do việc chậm thanh toán nêu trên nhưng vẫn chưa nhận được phản hồi.

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	155.900.000	173.900.000
Tổng	**155.900.000**	**173.900.000**

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay dài hạn ngân hàng	725.000.000	-
Nợ dài hạn đối tượng khác	78.563.562	78.563.562
Tổng	**803.563.562**	**78.563.562**

Vay dài hạn thể hiện khoản vay theo hợp đồng vay với ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long cấp cho Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long với số tiền là 1.085.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 năm. Khoản vay dùng để đầu tư mua sắm tài sản cố định. Lãi suất vay là 11%/năm. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 11.

Nợ dài hạn đối tượng khác là khoản tiền mà Kho bạc Nhà Nước tỉnh Vĩnh Long đã thanh toán cho bên thi công các công trình có nguồn vốn Nhà nước trong thời gian Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long là đơn vị đại diện để giám sát và quản lý công trình.

Lịch trả nợ vay cho khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	360.000.000	-
Trong năm thứ hai	360.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	365.000.000	-
Sau năm năm	-	-
	1.085.000.000	**-**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	360.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	**725.000.000**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a - Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	**20.000.000.000**	**(333.875.116)**	**3.285.920.905**	**443.436.579**	**(2.075.165.321)**	**21.320.317.047**
Tăng trong năm	-	-	-	-	**1.300.752.187**	**1.300.752.187**
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.300.752.187	1.300.752.187
						-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
						-
Số dư tại 31/12/2013	**20.000.000.000**	**(333.875.116)**	**3.285.920.905**	**443.436.579**	**(774.413.134)**	**22.621.069.234**
Điều chỉnh hồi tố do kết quả quyết toán thuế từ năm 2009 đến 2013					(150.660.768)	(150.660.768)
Số dư tại 01/01/2014	**20.000.000.000**	**(333.875.116)**	**3.285.920.905**	**443.436.579**	**(925.073.902)**	**22.470.408.466**
Tăng trong năm	-	-	-	-	**1.115.693.118**	**1.115.693.118**
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.115.693.118	1.115.693.118
Số dư tại 31/12/2014	**20.000.000.000**	**(333.875.116)**	**3.285.920.905**	**443.436.579**	**190.619.216**	**23.586.101.584**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	10.200.000.000	10.200.000.000
Đối tượng khác	9.800.000.000	9.800.000.000
Tổng	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**

c. Cổ phiếu

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**200.000**	**200.000**
Cổ phiếu phổ thông	200.000	200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	**4.096**	**4.096**
Cổ phiếu phổ thông	4.096	4.096
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	**195.904**	**195.904**

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 đồng/Cổ phiếu

21. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa	6.239.592.918	10.641.818.537
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.521.231.886	12.189.085.895
Tổng	**19.760.824.804**	**22.830.904.432**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**-**	**74.131.147**
Hàng bán bị trả lại	-	*74.131.147*
Doanh thu thuần	**19.760.824.804**	**22.756.773.285**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.786.864.931	8.963.684.613
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.113.363.340	8.467.083.008
Tổng	**14.900.228.271**	**17.430.767.621**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	106.617.195	62.058.953
Cổ tức được chia từ Công ty CP Địa Ốc Vĩnh Long	467.009.809	-
Tổng	**573.627.004**	**62.058.953**

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	623.427.001	-
Chi phí bằng tiền khác	27.708.338	-
Tổng	**651.135.339**	**-**

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.560.104.486	2.565.340.241
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.886.151	7.254.512
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.126.884	50.513.343
Chi phí dự phòng	393.733.957	676.915.152
Thuế, phí và lệ phí	468.157.264	486.203.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.833.444	106.442.263
Chi phí bằng tiền khác	826.961.635	730.402.876
Tổng	**3.400.803.821**	**4.623.072.169**

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.339.968.722**	**1.721.818.715**
Các khoản điều chỉnh tăng	**146.475.650**	**149.588.074**
	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	**467.009.809**	**-**
Tổng lợi nhuận chịu thuế	**1.019.434.563**	**1.871.406.789**
Thuế suất áp dụng đến ngày 30/06/2013		25%
Thuế suất áp dụng từ ngày 01/07/2013 trở đi	22%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**224.275.604**	**421.066.528**

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.115.693.118	1.300.752.187
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.115.693.118	1.300.752.187
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	195.904	195.904
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**5.695**	**6.640**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.879.186.516	1.915.193.882
Chi phí nhân công	4.970.734.302	5.278.180.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.683.515.503	1.477.543.509
Thuế, phí và lệ phí	468.157.264	486.203.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.015.855.425	1.068.470.384
Chi phí khác bằng tiền	1.295.264.748	2.884.773.447
Tổng	**13.312.713.758**	**13.110.365.856**

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm cụ thể như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Hội đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập ban điều hành Công ty	493.050.800	608.310.856
Tổng		**493.050.800**	**608.310.856**

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay tại Thuyết minh số 15 và 19, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.307.125.750	2.223.018.453
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.555.126.077	12.294.838.952
Đầu tư tài chính khác (ngắn + dài hạn)	1.774.800.000	1.774.800.000
Tổng	**14.637.051.827**	**16.292.657.405**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay (ngắn + dài hạn)	1.163.563.562	1.705.857.926
Phải trả người bán và phải trả khác	12.878.291.032	13.252.639.907
Chi phí phải trả	43.310.406	446.122.932
Tổng	**14.085.165.000**	**15.404.620.765**

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này do chính sách tài chính và chính sách thuế của Nhà nước chưa rõ ràng và sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính

Tại 31/12/2014	**Dưới 1 năm VND**	**Từ 1 - 5 năm VND**	**Tổng VND**
Phải trả người bán và phải trả khác	12.722.391.032	155.900.000	12.878.291.032
Các khoản phải trả	43.310.406	-	43.310.406
Các khoản vay	360.000.000	803.563.562	1.163.563.562
Tổng	**13.125.701.438**	**959.463.562**	**14.085.165.000**

Tại 01/01/2014	**Dưới 1 năm VND**	**Từ 1 - 5 năm VND**	**Tổng VND**
Phải trả người bán và phải trả khác	13.078.739.907	173.900.000	13.252.639.907
Các khoản phải trả	446.122.932	-	446.122.932
Các khoản vay	1.627.294.364	78.563.562	1.705.857.926
Tổng	**15.152.157.203**	**252.463.562**	**15.404.620.765**

Tài sản tài chính

Tại 31/12/2014	**Dưới 1 năm VND**	**Từ 1 - 5 năm VND**	**Tổng VND**
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.307.125.750	-	1.307.125.750
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.222.026.077	5.333.100.000	11.555.126.077
Đầu tư tài chính khác	-	1.774.800.000	1.774.800.000
Tổng	**7.529.151.827**	**7.107.900.000**	**14.637.051.827**

Tại 01/01/2014	**Dưới 1 năm VND**	**Từ 1 - 5 năm VND**	**Tổng VND**
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.223.018.453	-	2.223.018.453
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.961.738.952	5.333.100.000	12.294.838.952
Đầu tư tài chính khác	-	1.774.800.000	1.774.800.000
Tổng	**9.184.757.405**	**7.107.900.000**	**16.292.657.405**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31. THÔNG TIN HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Căn cứ theo hợp đồng hợp tác liên doanh số 01/HĐLĐ ngày 26 tháng 04 năm 2004 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long về dự án mua đất để kinh doanh mảnh đất 50.000 m^2 tại ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, trách nhiệm của Công ty là tham gia hỗ trợ lập hồ sơ pháp lý cần thiết để quá trình triển khai dự án được thuận lợi; trách nhiệm của Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long là lên kế hoạch triển khai dự án, tính toán cụ thể phương án kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Dự án có thông tin cụ thể như sau:

Tổng mức đầu tư dự án dự kiến	**10.000.000.000**
Trong đó cơ cấu vốn dự kiến được xác định:	
Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long (50%)	*5.000.000.000*
Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long (50%)	*5.000.000.000*
Tổng mức đầu tư dự án thực tế:	**10.666.200.000**
Trong đó:	
Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long (50%)	*5.333.100.000*
Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long (50%)	*5.333.100.000*
Đến 31/12/2014, Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long đã góp	**5.333.100.000**

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán.

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 3 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phan Thị Hồng Sâm	Dương Khánh Hùng	Lê Minh Trí

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VĨNH LONG
M.S.D.N: 1500220164-C.T.C.P
TP. VĨNH LONG-T. VĨNH LONG